

Số: /QĐ-STC

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán năm 2024**  
**của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 1872/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài Chính;

Căn cứ Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Tài Chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo phụ biểu đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công thông tin điện tử Sở,
- Lưu VT, KT.

**GIÁM ĐỐC**

**Vĩnh Thông**

**Phụ lục: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024****Đơn vị: SỞ TÀI CHÍNH****Mã chương: 418; Mã ĐVQHNS: 1040169***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STC ngày /12/2023 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa)***A. DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN**

STT	Nội dung	Số tiền
	<b>Chi quản lý nhà nước - 341</b>	<b>12.332</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>7.825</b>
1.1	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP	5.227
1.2	- Kinh phí chi lương cho HDLĐ	349
1.3	- Kinh phí hoạt động theo định mức	2.249
<b>2</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương (Nguồn 14)</b>	<b>1.338</b>
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.338
<b>3</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>3.169</b>
3.1	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	78
3.2	- Chi tiền nhuận bút viết tin, bài lên Cổng thông tin điện tử của Sở	30
3.3	- Khóa sổ và quyết toán ngân sách	250
3.4	- Kinh phí công tác xác định giá đất và Hội đồng thẩm định giá đất	580
3.5	- Chi thuê tư vấn xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất	360
3.6	- Kinh phí phục vụ cho Hội đồng tổ tụng hình sự	71
3.7	- Trang phục thanh tra	22
3.8	- Tiêu chí bổ sung	180
3.9	- Kinh phí thu thập, báo cáo giá thị trường	15
3.10	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	150
3.11	- Kinh phí xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	5
3.12	- Kinh phí bảo trì Phần mềm QLNS Dự án đầu tư Pabmis	270
3.13	- Kinh phí bồi dưỡng tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	32
3.14	- Kinh phí trang bị các thiết bị công nghệ thông tin	25
3.15	- Kinh phí bảo trì phần mềm nhắc việc	30
3.16	- Kinh phí trang bị phương tiện làm việc cho 01 Phó Giám đốc Sở	45
3.17	- Kinh phí sửa chữa phòng làm việc dãy nhà B và tường rào	450
3.18	- Kinh phí bảo trì phần mềm quản lý tiền lương cho các đơn vị thuộc tỉnh	511

**B. DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU PHÍ, LỆ PHÍ**

Nội dung	Tổng số	Đề lại đơn vị	Nộp ngân sách nhà nước
<b>Tổng số</b>	<b>2.100</b>	<b>600</b>	<b>1.500</b>
- Thu hồi nộp ngân sách qua công tác thanh tra	2.000	600	1.400
- Thu xử phạt vi phạm hành chính	100		100